

Bản án số: 45/2025/HS-PT
Ngày: 09-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiên

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thu Hương

Bà Trần Thị Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Huy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 48/2025/TLPT-HS ngày 12/02/2025 đối với bị cáo Mai Thế S và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Mai Thế S**, sinh ngày 13/12/2007, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 0382070xxxxx; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn L và bà Phạm Thị T; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. **Phạm Hồng H**, sinh ngày 19/12/2006, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 0382060xxxxx; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị L1; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Mai Gia H1**, sinh ngày 02/3/2008, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn B, xã N1 (xã N2 cũ), huyện N, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 0382080xxxxx; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai

Văn D và bà Vũ Thị T2; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*

Trần Quang M, sinh ngày 23/10/2006, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 0382060xxxxx; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phương S1 và bà Mai Thị T3; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

Ngoài ra còn có 06 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, nên không triệu tập đến phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Mai Thế S:* Bà Phạm Thị T (mẹ của bị cáo), sinh năm 1981; địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Mai Gia H1:* Ông Mai Văn D (bố của bị cáo), sinh năm 1969; địa chỉ: thôn B, xã N1 (xã N2 cũ), huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Mai Thế S:* Ông Trịnh Đình H2 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hồng H:* Bà Nguyễn Thị Nữ H3 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có gửi quan điểm bào chữa cho HĐXX).

- *Người bào chữa cho bị cáo Mai Gia H1:* Bà Lương Thanh V - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 14/7/2024, khi Đào Trọng D1 đang đi chơi cùng với Trần Quang M và một số người bạn khác tại khu vực thôn Y, xã N3, huyện N thì nhìn thấy Nguyễn Mai A ngồi trên xe máy điện của Vũ Nhật M1, sinh năm 2006, đi cùng Nguyễn Thế Quang A1, sinh năm 2008 điều khiển xe máy điện, chở theo Nguyễn Quỳnh C, sinh năm 2007 (đều trú tại thôn Y, xã N3, huyện N) nên Đào Trọng D1 và M đã chặn xe, dùng tay đánh Nhật M1 và Quang A1.

Tối ngày 15/7/2024, Trịnh Thế Q (sinh năm 2006, trú tại thôn Y, xã N3) biết tin bạn mình là Quang A1 và Nhật M1 bị nhóm của Đào Trọng D1 chặn đánh, nên Q sử dụng mạng xã hội Facebook, nhắn tin, gọi qua ứng dụng Messenger từ tài khoản mang tên “Trịnh Thế Q” đến tài khoản mang tên “Hoàng D1” của Đào Trọng D1 để hẹn gặp nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn. Quá trình

nhắn tin và gọi điện thoại, giữa hai người có lời lẽ qua lại nên Q đã thách thức, hẹn gặp Đào Trọng D1 ở cầu H (thị trấn N) để đánh nhau. Lúc này, Đào Trọng D1 đang ở nhà mình cùng với Đào Duy K (sinh năm 2005, trú tại tiểu khu B, thị trấn N), Lưu Anh Đ (sinh năm 2008, trú tại tiểu khu T, thị trấn N) và Phạm Văn D2 (sinh năm 2005, trú tại tiểu khu L, thị trấn N). Đào Trọng D1 kể lại việc Q hẹn đánh nhau cho những người có mặt tại nhà mình biết và rủ mọi người đi đánh nhau với nhóm của Q thì Phạm Văn D2 nói không nên đi vì nếu đi mà không mang theo “cái gì” (ý là dao, kiếm) thì sẽ bị đánh nên K đã gọi điện thoại cho Mai Thế S (sinh năm 2007, thôn Đ, xã N) mượn S 03 dao bầu (loại dao mổ lợn có mũi nhọn) và tuýp sắt để đi đánh nhau, S đồng ý. Sau đó, Đào Trọng D1 và K điều khiển xe mô tô đến nhà S lấy 03 con dao mang về nhà Đào Trọng D1. Một lúc sau, do không có xe để đi đến nhà Đào Trọng D1 nên S đã gọi điện thoại cho Phạm Hồng H (sinh năm 2006, cùng thôn) rủ H cùng mình đến nhà Đào Trọng D1 để đi đánh nhau. H đồng ý rồi điều khiển xe mô tô đến nhà S. S lấy 02 tuýp sắt ở nhà mình rồi cùng H đến nhà Đào Trọng D1, D1 lấy thêm 01 tuýp sắt của nhà mình để ra ngoài. Thấy có 03 dao bầu và 03 tuýp sắt, H dùng dao chặt, phá cán dao bầu để lắp vào tuýp sắt nhưng thấy không chắc chắn nên H nói Đào Trọng D1 đi mượn máy hàn về hàn. Nghe H nói, Đào Trọng D1 đến nhà ông Mai Xuân N (sinh năm 1964, ở thôn T, thị trấn N) mượn máy hàn kim loại, ông N không biết D1 mượn máy hàn về để hàn dao đi đánh nhau nên đồng ý cho mượn. Đào Trọng D1 cầm máy hàn mang về, đưa cho H hàn, gắn dao bầu vào đầu các thanh tuýp sắt. Trong lúc H đang hàn dao thì K gọi điện thoại cho Mai Gia H1 (sinh năm 2008, thôn B, xã N2), rủ H1 đến nhà Đào Trọng D1. H1 đồng ý và rủ La Văn H4, sinh năm 2009 (cùng thôn) đi đến nhà Đào Trọng D1, hỏi K là đi đâu, K trả lời đi đánh nhau.

Khi H hàn được 02 con dao thì bị đau, mỏi mắt nên K đã vào thay H hàn con dao còn lại, tổng là đã hàn 03 dao tự chế (còn gọi là dao phóng lợn) dài khoảng 2m. Khi đã tự chế “dao phóng lợn” xong, Đào Trọng D1 gọi điện rủ thêm Phạm Trung K1 (sinh năm 2002, trú tại tiểu khu L, thị trấn N), Trần Quang M và Mai Anh T4 (sinh năm 2002, trú tại tiểu khu B, thị trấn N) đến tập trung tại Hoa viên chùa K (gần nhà Đào Trọng D1) để tìm đánh nhóm của Trịnh Thế Q. K1, M và T4 đồng ý. Do K1 không có xe nên Đ điều khiển xe mô tô đến nhà đón K1, sau đó, những người có mặt tập trung ở Hoa viên chùa K. Phạm Văn D2 và M điều khiển xe mô tô đi trước cầm theo 03 con “dao phóng lợn” đến khu vực cánh đồng giáp xã N4 cất giấu, còn H4 chở H1 về nhà ở xã N2 lấy áo chống nắng, rồi tất cả đều quay lại Hoa viên chùa K. Lúc này, T4 điều khiển xe mô tô đi đến sau và ngồi cùng mọi người. Một lúc sau, Trần Nguyễn Anh T5 (sinh năm 2007, ở thôn 7, xã N5) điều khiển xe mô tô đi qua chùa K, thấy có bạn là H, S và M ở đó nên T5 dừng xe đến ngồi nói chuyện cùng mọi người. Trong lúc nói chuyện, T5 biết mọi người đang chuẩn bị đi đánh nhau với nhóm khác nên T5 đi cùng.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của Đào Trọng D1 (gồm 12 người trên) đang tập trung ở Hoa viên chùa K thì Đào Trọng D1 nhận được điện thoại của Trịnh Văn Q thách thức và hẹn nhóm của D1 đến cầu H thuộc tiểu khu H, thị trấn N để đánh nhau. Sau khi nhận điện thoại của Q, Phạm Văn D2, Phạm Hồng H điều khiển xe mô tô đi lấy dao phóng lợn vừa cắt đầu đưa về Hoa viên chùa K. Sau đó, H4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius chở H1 cầm dao tự chế đi trước; M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision chở Đào Trọng D1 cầm theo 01 dao tự chế; Phạm Văn D2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wawe chở H cầm theo 01 dao tự chế; K1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade (xe của gia đình Đào Trọng D1) chở K; T4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision chở Đ; T5 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wawe chở S, di chuyển từ Hoa viên chùa K đến cầu H với mục đích tìm nhóm của Q. Tuy nhiên, khi đến cầu H, nhóm của Đào Trọng D1 không gặp Q nên cả nhóm tiếp tục điều khiển xe mô tô, cầm theo 03 con dao tự chế di chuyển trên các tuyến đường quanh khu vực thị trấn N, đến ngã tư C, xã N3 rồi đi dọc Quốc lộ xx, quay về thị trấn N. Trên đường đi, Đào Trọng D1, H và H1 là người ngồi sau xe cầm dao tự chế, có lúc gi mũi dao xuống mặt đường, sau đó, cả nhóm quay về Hoa viên chùa K. Tại đây, H4 và H1 không đi cùng với nhóm nữa mà cầm 01 con dao tự chế đi về nhà mình ở xã N2. Còn Đào Trọng D1 gọi điện thoại cho Q, tiếp tục hẹn gặp nhau ở cầu H. Số người còn lại tiếp tục di chuyển trên các cung đường cũ để tìm nhóm của Q nhưng không thấy nên D1 và nhóm bạn của mình đi 02 vòng từ cầu H đến cầu K, chạy dọc Quốc lộ xx, đến Ngã 5 H thuộc Tiểu khu Y 2, thị trấn N thì dừng lại. T5 ra về nên S sang xe của K1 ngồi, rồi cả nhóm tiếp tục di chuyển đến ngã tư S thuộc địa bàn xã N6 thì gặp trời mưa nên cả nhóm giải tán, H cầm dao tự chế mang về nhà Đào Trọng D1 để. Con dao Đào Trọng D1 cầm, trên đường đi tìm nhóm của Q, phần lưỡi dao bị rơi dọc đường (không xác định được rơi ở đâu), còn tuýp sắt gắn dao Đào Trọng D1 mang về ngõ nhà Phạm Văn D2 để, sau đó ra tìm nhưng không thấy.

Trong suốt quá trình các bị cáo di chuyển trên các tuyến đường giao thông ở xã N3 và thị trấn N, do đêm khuya nên trên đường ít người và các phương tiện tham gia giao thông.

Ngày 16/7/2024, Công an thị trấn N nhận được tố giác tội phạm của quần chúng nhân dân nên đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Rà soát, trích xuất dữ liệu camera an ninh công cộng và sao lưu các hình ảnh ghi lại sự việc Đào Trọng D1 và nhóm bạn đang di chuyển trên các tuyến đường, lưu vào 01 USB nhãn hiệu KingSton DTSE9, niêm phong theo quy định.

Đến ngày 17/7/2024, Đào Trọng D1 nhận thấy hành vi của bản thân là sai trái, vi phạm pháp luật nên đã đến Công an thị trấn N xin đầu thú và giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu đen, biển kiểm soát (BKS) 36G1-410.xx, số khung RLHKF4102LZ0xxxxx, số máy KF41E00xxxxx, đã qua sử dụng; 01 dao tự chế. Mai Gia H1 giao nộp 01 dao tự chế. Trần Quang M giao nộp 01 xe mô

tô, nhãn hiệu Vision, BKS 36K5-363.xx. Mai Anh T4 giao nộp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Vision, BKS 36AG-014.xx.

Chiếc dao tự chế Đào Trọng D1 cầm đi trên đường tìm nhóm của Trịnh Thế Q đã làm rơi trên đường, Công an thị trấn và Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thấy.

Xét thấy, vụ việc trên có dấu hiệu tội phạm nên ngày 18/7/2024, Công an thị trấn N đã chuyển nguồn tin đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N để điều tra theo thẩm quyền. Cùng ngày, Đào Duy K1 đã đến Cơ quan CSĐT xin đầu thú, khai nhận hành vi của bản thân.

Tại Kết luận giám định số 3128/KL-KTHS ngày 27/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Không phát hiện dấu vết chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 09 (chín) tệp vi deo của 01USB gửi giám định.

- Trích xuất 11 (mười một) ảnh từ các tệp vi deo gửi giám định.

Đối với hành vi của La Văn H4 và Lưu Anh Đ đã cùng với các bị cáo thực hiện hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Tuy nhiên, H4 và Đ đều dưới 16 tuổi nên Cơ quan CSĐT đã chuyển các tài liệu liên quan cho Công an thị trấn N và Công an xã N2 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với Phạm Văn D2, Phạm Trung K1, Mai Anh T4, Trần Quang M, La Văn H4, Trần Nguyễn Anh T5 là người điều khiển xe mô tô nhưng không đội mũ bảo hiểm, không mang theo giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự bắt buộc. Do đó, Cơ quan CSĐT đã chuyển các tài liệu liên quan cho Đội Cảnh sát giao thông - trật tự Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

* Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Đào Trọng D1, Đào Duy K, Phạm Văn D2, Phạm Trung K1 và Mai Anh T4);

- Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự (đối với Trần Quang M và Trần Nguyễn Anh T5);

- Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự (đối với Mai Gia H1, Mai Thế S và Phạm Hồng H);

- Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, 333, 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

* Tuyên bố: Các bị cáo Đào Trọng D1, Đào Duy K, Mai Anh T4, Trần Quang M, Phạm Văn D2, Phạm Trung K1, Phạm Hồng H, Mai Thế S, Mai Gia H1 và Trần Nguyễn Anh T5 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

*** Xử phạt:**

1. Bị cáo Đào Trọng D1 **30** (*Ba mươi*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
2. Bị cáo Đào Duy K **28** (*Hai mươi tám*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 56 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
3. Bị cáo Phạm Văn D2 **26** (*Hai mươi sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
4. Bị cáo Phạm Trung K1 **25** (*Hai mươi lăm*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 50 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
5. Bị cáo Mai Anh T4 **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
6. Bị cáo Trần Quang M **21** (*Hai mươi mốt*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
7. Bị cáo Trần Nguyễn Anh T5 **18** (*Mười tám*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
8. Bị cáo Mai Thế S **18** (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.
9. Bị cáo Phạm Hồng H **18** (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.
10. Bị cáo Mai Gia H1 **18** (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp thi hành án treo, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2025 bị cáo Mai Thế S kháng cáo, ngày 06/01/2025 bị cáo Phạm Hồng H kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 06/01/2025 bị cáo Mai Gia H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đối với bị cáo Mai Thế S: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo S xuất trình thêm phiếu thu của MTTQ xã N về việc nộp tiền ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam điôxin, nộp quỹ ngày vì người nghèo; đơn xin xác nhận về việc gia đình bị cáo đang thờ cúng liệt sỹ Mai Vĩnh P; ông ngoại của bị cáo là người được tặng thưởng nhiều thành tích xuất sắc trong các hoạt động tại địa phương.

- Đối với bị cáo Phạm Hồng H: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo H xuất trình thêm phiếu thu của MTTQ xã N về việc nộp tiền ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam điôxin, nộp quỹ ngày vì người nghèo; đơn xin

xác nhận về việc ông ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng, là bệnh binh 2/3, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến công hạng Ba.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Mai Thế S và bị cáo Phạm Hồng H; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS): Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo S và bị cáo H, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo.

- Đối với bị cáo Mai Gia H1: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H1 xuất trình giấy xác nhận đã tham gia ủng hộ nạn nhân chất độc da cam dioxin của UBND xã N2. Đây tuy là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nhưng trong cùng thời điểm này, bị cáo H1 còn phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 09(chín) tháng tù (vào ngày 21/3/2025). Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Gia H1, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo H1 tại bản án hình sự sơ thẩm.

- Đối với bị cáo Trần Quang M là người dưới 18 tuổi, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 21 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 tháng là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 119, Điều 124 và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (để tương xứng 3/5 mức hình phạt so với bị cáo đầu vụ đã thành niên) và ấn định thời gian thử thách không vượt quá 36 tháng mới phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Mai Thế S, Phạm Hồng H và Mai Gia H1 làm theo đúng quy định tại Điều 332, 333 BLTTHS, trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xuất phát từ lời thách thức của nhóm Trịnh Thế Q, nên khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15/7/2024, Đào Trọng D1 đã cùng với Đào Duy K, Mai Thế S, Phạm Hồng H, Phạm Văn D2, Mai Gia H1, Trần Quang M, Phạm Trung K1, Mai Anh T4 và Trần Nguyễn Anh T5 điều khiển 06 xe mô tô, cầm theo 03 dao tự chế, dài 2,23m và 2,24m (03 người ngồi sau xe cầm dao là Đào Trọng D1, H1 và H4) di chuyển nhiều vòng trên các tuyến đường giao thông xã N3, Quốc lộ xx và quanh khu vực thị trấn N là nơi công cộng để tìm, đánh nhóm của Trịnh Thế Q, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Trong vụ án này, Đào Trọng D1 có gọi điện thoại cho M; K gọi cho H1; S gọi cho H nói đến cầu H đi đánh nhóm của Q chứ không có lời nói hay hành động kích động, dụ dỗ, thúc đẩy họ gây rối. Khi đến nơi không thấy Q nên cả nhóm cùng di chuyển trên các tuyến đường giao thông để tìm Q chứ không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, không phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Trong đó, Đào Trọng D1 là người thực hành tích cực nhất, đi đầu, cầm dao, giết dao xuống mặt đường; Đào Duy K, Phạm Hồng H là người hàn dao, Mai Thế S là người mang dao và tuýp sắt đến nên giữ vai trò, vị trí thứ hai; Phạm Văn D2 và Mai Gia H1 là người thực hành tích cực, H1 là người cầm dao nên giữ vai trò, vị trí thứ ba. Tiếp theo là Trần Quang M, Mai Anh T4, Phạm Trung K1 và Trần Nguyễn Anh T5.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã tuyên bố các bị cáo Đào Trọng D1, Đào Duy K, Mai Anh T4, Trần Quang M, Phạm Văn D2, Phạm Trung K1, Phạm Hồng H, Mai Thế S, Mai Gia H1 và Trần Nguyễn Anh T5 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa bàn nơi tập trung đông dân cư, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất bình cho quần chúng nhân dân, do đó cần phải được xử lý nghiêm minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để quyết định mức hình phạt 18 (mười tám) tháng tù đối với mỗi bị cáo Mai Thế S, Phạm Hồng H, Mai Gia H1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Mai Thế S xuất trình thêm phiếu thu của MTTQ xã N về việc nộp tiền ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam điôxin 1.000.000 đồng (vào tháng 7/2024) và 2.000.000 đồng (vào tháng 12/2024), nộp quỹ ngày vì người nghèo 1.000.000 đồng, đơn xin xác nhận về việc gia đình bị cáo đang thờ cúng liệt sỹ Mai Vĩnh P, ông ngoại của bị cáo (ông Phạm Văn C1) là người được tặng thưởng nhiều thành tích xuất sắc trong các hoạt động tại địa phương; bị cáo Phạm Hồng H xuất trình thêm phiếu thu của MTTQ xã N về việc nộp tiền ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam điôxin 1.000.000 đồng, nộp quỹ ngày vì người nghèo 1.000.000 đồng, đơn xin xác nhận về việc ông ngoại của bị cáo (ông Nguyễn Văn P1) là người có công với cách mạng, là bệnh binh 2/3, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến công hạng Ba. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Mai Thế S và Phạm Hồng H, nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo S và H, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội và

phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa.

Đối với bị cáo Mai Gia H1: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H1 xuất trình giấy xác nhận của UBND xã N2 về việc đã tham gia ủng hộ nạn nhân chất độc da cam dioxin 2.000.000 đồng. Tuy đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nhưng trong cùng thời điểm này, bị cáo H1 còn phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 09(chín) tháng tù vào ngày 21/3/2025. Do đó, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Đối với bị cáo Trần Quang M: Mặc dù bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, nhưng bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 21 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 tháng kể từ ngày tuyên án là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 119, Điều 124 và khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Do đó, HĐXX phúc thẩm thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo M, giảm cho bị cáo 03(ba) tháng tù, xử phạt bị cáo 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Do cấp phúc thẩm sửa án nên phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Trần Quang M tại bản án hình sự sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Mai Thế S, Phạm Hồng H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần; bị cáo Mai Gia H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Mai Thế S và Phạm Hồng H, sửa phần hình phạt đối với bị cáo S, bị cáo H; đồng thời sửa phần hình phạt đối với bị cáo Trần Quang M; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Gia H1, giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo H1 tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như sau:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

khoản 1 Điều 119, Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên (đối với các bị cáo Mai Thế S, Phạm Hồng H, Trần Quang M):

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên (đối với bị cáo Mai Gia H1):

- Tuyên bố: Các bị cáo Mai Thế S, Phạm Hồng H, Mai Gia H1, Trần Quang M phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt:

+ Bị cáo Mai Gia H1 **18**(mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo Mai Thế S **18**(mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **36**(ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Bị cáo Phạm Hồng H **18**(mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **36**(ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Bị cáo Trần Quang M **18**(mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **36**(ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Mai Thế S và Phạm Hồng H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Trần Quang M cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không bị cấp phúc thẩm sửa án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo Mai Gia H1 phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Mai Thế S và Phạm Hồng H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện N;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQ THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các bị cáo; người đại diện hợp pháp;
- Lưu: HS vụ án; Tòa HS.

Mai Nam Tiến